

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GREEN LIFE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GREEN LIFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN LIFE INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107828597

3. Ngày thành lập: 03/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 5, Thôn Giang Cao, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.3216.1239

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
2.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
3.	Trồng cây ăn quả	0121
4.	Chăn nuôi lợn	0145
5.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
6.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
7.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
8.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
9.	Sao chép bản ghi các loại	1820
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
13.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
14.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142

15.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
17.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ	4789
18.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
19.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
20.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
21.	Sản xuất giày dép	1520
22.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
23.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
24.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: Sản xuất sản phẩm đồ gia dụng và đồ nội thất bằng gốm sứ	2393
25.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
26.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
27.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
31.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
32.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
33.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
34.	Sản xuất sợi	1311
35.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
36.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
37.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
38.	Trồng cây điều	0123
39.	Trồng cây hồ tiêu	0124
40.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
41.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
42.	Chăn nuôi gia cầm	0146
43.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà	0149
44.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
45.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

46.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
47.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
48.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
49.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập cảnh các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
53.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
54.	In ấn	1811
55.	Trồng lúa	0111
56.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
57.	Thu gom rác thải độc hại	3812
58.	Bán buôn gạo	4631
59.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
60.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
61.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
62.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
64.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
65.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
66.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
67.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
68.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, Bán buôn hoa và cây, Bán buôn động vật sống Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
69.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
70.	Tái chế phế liệu	3830

71.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
72.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
73.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
74.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
75.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
77.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
78.	Bán buôn đồ uống	4633
79.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
80.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
81.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
82.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG	Xóm 5, Thôn Giang Cao, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	012615693	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		
2	NGUYỄN THU HIỀN	Xóm 5, Thôn Giang Cao, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	24,000	012516765	
			Tổng số	48.000	480.000.000	24,000		
3	ĐOÀN THỊ BÌNH	Xóm 1, Thôn Bát Tràng, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	064187000086	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		

4	NGUYỄN NGỌC HUY	Xóm 1, Thôn Bát Tràng, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	52.000	520.000.000	26,000	012338397	
			Tổng số	52.000	520.000.000	26,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THU HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012516765

Ngày cấp: 08/08/2004 Nơi cấp: CATP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, Thôn Giang Cao, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 5, Thôn Giang Cao, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội